

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-ST

Ngày: 14 - 5- 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Nhân;

Ông Nguyễn Minh Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HS ngày 26/4/2019 đối với bị cáo:

Trần Bình Đ, sinh năm 1984 tại huyện Th, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp L, xã T, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 10/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Bé N và bà Nguyễn Thị E; Có vợ là Dương Thúy A (đã ly hôn); Có con là Trần Hạo N, sinh ngày 10/6/2017; Tiền sự, tiền án: chưa; Nhân thân: tốt. Bị cáo đang được tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần K, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang; có mặt

Bị hại: Lê Chí Th, sinh năm 1966; Nơi cư trú: khu phố 2, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; có đơn xin vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Trung L, sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/12/2018, Trần Bình Đ điều khiển xe mô tô mang BKS 68N1-039.20 của Trần Trung L (anh ruột Đ) đến nhà thuốc Nam N tại thị trấn Th để mua thuốc. Sau khi mua thuốc xong, Đ điều khiển xe vào chợ bách hóa Th, đến quầy bán quần áo của Lê Chí Th, sinh năm 1966 ngụ khu phố 2, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện xe của Th đậu trước quầy, trên xe có 01 cặp vải màu đen đựng máy tính xách tay để trên võng xe không người trông giữ nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nếu có tiền thì lấy tiền, nếu có tài sản thì bán lấy tiền tiêu xài. Đ điều khiển xe đến gần xe ông Th quan sát không thấy ai nên Đ lén lút lấy cặp của Th để qua xe mình rồi mang về nhà cất giấu. Sau đó, Đ bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Thuận mời làm việc và trong quá trình điều tra Đ thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm:

- + 01 máy tính xách tay hiệu Acer Aspire 4741, model NO: MS2306, đã qua sử dụng;
- + 01 chuột không dây màu đen ZADEZ màu đen, đã qua sử dụng;
- + 01 bộ sạc pin laptop màu đen, đã qua sử dụng;
- + 01 túi đựng bằng nhựa màu trắng bên trong có chứa nhiều loại giấy tờ (bảng lương, sổ quỹ, bảng chấm công;
- + 01 (một) sổ nhật ký năm 2018 bìa màu xanh có chữ DNTN Chí N, bên trong có ghi nhiều chữ;
- + 01 sổ tay màu xanh, ngoài bìa có chữ Nicc bên trong có chữ Việt và các con số bằng mực xanh;
- + 01 cặp vải màu đen đã bị rách.

Các vật chứng trên Cơ quan CSĐT Công an huyện đã trả lại cho chủ sở hữu Lê Chí Thiệp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 42/KL-HĐĐGTS ngày 27/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Thuận kết luận tại thời điểm tháng 12/2018:

+ 01 máy tính xách tay hiệu Acer Aspire 4741, model NO: MS2306 gồm chuột không dây ZADEZ và bộ sạc pin máy tính có giá trị 3.500.000 đồng.

+ 01 cặp vải màu đen, bị rách, có logo HP có giá trị 30.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 3.530.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKSVT ngày 19/3/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận đã truy tố bị cáo Trần Bình Đ về tội “Trộm cắp tài

sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Bình Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Trần Bình Đ từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không đề nghị.

- Người bào chữa cho bị cáo thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

- Bị cáo thống nhất lời bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Đối với việc vắng mặt của bị hại Lê Chí Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Trung L đã có lời khai làm rõ trong hồ sơ vụ án, xét thấy không trở ngại đến việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt Lê Chí Th, Trần Trung L.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Trần Bình Đ khai nhận: Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 20/12/2018 Trần Bình Đ lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút trộm cắp 01 cặp vải màu đen bên trong có 01 bộ máy tính xách tay gồm máy tính, chuột không dây và bộ sạc pin của Lê Chí Th. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy với ý định

chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của bị hại, lén lút trộm cắp tài sản; khi thực hiện hành vi bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị theo định giá là 3.530.000đ. Do đó hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương nên cần có mức án nghiêm đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành thật khai báo, ăn năn hối cải; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả bằng việc giao nộp lại tài sản trộm cắp; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ bỏ đi, bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi mẹ già và con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên HĐXX áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự. Việc không đưa bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo. Do đó HĐXX thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe giáo dục bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173. Tuyên bố bị cáo Trần Bình Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Bình Đ 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, tính kể từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2019).

Giao bị cáo Trần Bình Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 6; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Bình Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2019). Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã T;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- CA huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Phòng (PV27) CA tỉnh KG;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Vũ